

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 31-3-2017
V/v “tranh chấp Hôn nhân và
Gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Phần

Bà Thái Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Mạnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An: Ông Nguyễn Văn Hòa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 3 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2017/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 09/2017/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2017/QĐPT-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1984.

Nơi ĐKKHKT: Xóm Tiến Thành, xã Nghĩa Hoàn, huyện T, tỉnh Nghệ An.
Hiện công tác tại: Tiểu đoàn 4, Trung đoàn 335, Sư đoàn 324, đóng tại huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1986. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm Tiến Thành, xã Nghĩa Hoàn, huyện T, tỉnh Nghệ An.

3. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Y – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào bản án sơ thẩm số 09/2017/HNGĐ-ST ngày 19/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Nghệ An thì anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị Y kết hôn với nhau vào ngày 14/08/2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Trước khi kết hôn có tìm hiểu thương yêu nhau,

đến với nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình không phù hợp, nhận thức và quan điểm sống của vợ chồng khác nhau nên thường cãi vã, to tiếng, nặng lời với nhau, không tôn trọng nhau, không quan tâm nhau nên đã ly thân từ tháng 2 năm 2015 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn. Nên anh muốn được ly hôn với chị Nguyễn Thị Y.

Về con chung: Vợ chồng đã có với nhau 2 con chung (Sinh đôi) tên là: Nguyễn Tú Anh và Nguyễn Tú Uyên, đều sinh vào ngày 23/4/2012. Ly hôn anh có nguyện vọng xin nuôi một con, còn một con giao cho chị Y nuôi và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Y đều thừa nhận thời gian và điều kiện kết hôn, mức độ mâu thuẫn vợ chồng, về con đúng như anh B đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên bỏ bê vợ, con, vô trách nhiệm với gia đình, về nhà hay gây sự, vợ chồng thường xuyên cãi vã, to tiếng, nặng lời với nhau dẫn đến đổ vỡ hạnh phúc gia đình. Chị Y cũng thừa nhận rằng tình cảm vợ chồng không thể duy trì được nữa. Nay anh B yêu cầu ly hôn thì chị hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh đúng như anh B đã trình bày. Ly hôn chị mong muốn được nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu anh B đóng góp cấp dưỡng tiền nuôi hai con, mỗi tháng 3.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án số 09/2017/HNGĐ-ST ngày 19/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử: Cho anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị Y được ly hôn nhau.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tú Uyên, sinh ngày 23/4/2012 cho chị Nguyễn Thị Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Tú Anh, sinh ngày 23/4/2012 cho anh B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 20/01/2017, chị Nguyễn Thị Y làm đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết cho chị được quyền trực tiếp nuôi hai con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị Y vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và trình bày: Ngày 21/02/2017 chị và anh B đã lập Biên bản thỏa thuận về việc nuôi con với nội dung: Vì hai cháu còn nhỏ, điều kiện công tác của anh Nguyễn Văn B chưa thuận tiện để chăm sóc con, nên hai bên thỏa thuận để chị Nguyễn Thị Y chăm sóc, nuôi dạy cháu Nguyễn Tú Uyên và Nguyễn Tú Anh đến 7 tuổi. Sau 7 tuổi ở với ai do cháu Uyên và cháu Anh được quyền lựa chọn. Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) để chị Nguyễn Thị Y nuôi con đến 7 tuổi. Sau 7 tuổi, nếu cháu Uyên và cháu Anh lựa chọn ở với chị Y thì anh B tiếp tục cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ đến 18 tuổi. Nếu cháu Uyên và cháu Anh lựa chọn ở với anh B thì chị Y phải cấp dưỡng nuôi hai cháu mỗi tháng 1.000.000đ đến 18 tuổi. Nếu mỗi cháu ở với một người thì không phải cấp dưỡng. Tại phiên tòa, anh B thay đổi quan điểm và mong muốn được nuôi một con chung như án sơ thẩm đã quyết định. Mặc dù anh công tác ở quân đội (ở đơn vị chủ lực) nhưng nếu được nuôi con anh sẽ bố trí người thân bên nội giúp đỡ, hỗ trợ cùng anh trong việc nuôi con. Chị Y thiết tha xin nuôi cả hai con vì cả hai con hiện tại ở với chị, thuận tiện cho việc chăm sóc con, có điều kiện chăm sóc dạy con hơn anh B. Nếu chị nuôi hai con thì yêu cầu anh B cấp dưỡng một tháng 1.500.000đ cho cả hai con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đề nghị sửa án sơ thẩm, xử như sự thỏa thuận của các đương sự, giao cả hai con cho chị Nguyễn Thị Y nuôi, đồng thời buộc anh B cấp dưỡng nuôi con một tháng 1.500.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát và các đương sự có mặt tại phiên tòa.

Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị Y trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không tin tưởng lẫn nhau, nhận thức và tính cách sống khác nhau dẫn đến bất đồng trong cuộc sống. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị Y được ly

hôn là hoàn toàn phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự đều nhất trí và không kháng cáo về nội dung quyết định này của bản án.

Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Y về việc yêu cầu được nuôi hai con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: Quyết định của bản án sơ thẩm giao con chung Nguyễn Tú Uyên, sinh ngày 23/4/2012 cho chị Nguyễn Thị Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Tú Anh, sinh ngày 23/4/2012 cho anh B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, anh Nguyễn Văn B và Nguyễn Thị Y đã thống nhất thỏa thuận để chị Nguyễn Thị Y chăm sóc, nuôi dạy cháu Nguyễn Tú Uyên đến 7 tuổi, sau 7 tuổi việc cháu Anh ở với ai, cháu Anh được quyền lựa chọn. Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng).

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế, không trái với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm anh B cũng thay đổi quan điểm đã thỏa thuận xin nuôi một con. Xét việc giao con cho ai nuôi phụ thuộc vào điều kiện thực tế để giáo dục con phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần. Mặc dù anh B rất thương yêu con nhưng anh là bộ đội công tác ở đơn vị chủ lực, phải thường xuyên, thường trực để thực hiện nhiệm vụ, điều kiện để chăm sóc con sẽ khó khăn, kể cả anh nhờ hỗ trợ, giúp đỡ của người thân cũng không thể có sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục của người bố, người mẹ. Đối với chị Nguyễn Thị Y, điều kiện chăm sóc con sẽ tốt hơn vì chị công tác ở môi trường giáo dục, có thời gian và điều kiện nuôi dạy con hơn so với anh B. Mặt khác, hai con là sinh đôi, hiện nay ăn ở cùng nhau với chị Y. Do đó, có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Y, cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, giao con chung là cháu Nguyễn Tú Anh cho chị Nguyễn Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu, năm trăm nghìn đồng) là hợp lý tính với thu nhập của anh B.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y không phải chịu án phí phúc thẩm. Anh Nguyễn Văn B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 293, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Y. Sửa án sơ thẩm;

Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Tú Anh và Nguyễn Tú Uyên, đều sinh ngày 23/4/2012 (sinh đôi) cho chị Nguyễn Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng. Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu, năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2017 cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Văn B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) anh B đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện T theo biên lai thu tiền số 0009097 ngày 21/10/2016. Anh B phải chịu 100.000đ (một trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Y số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị Y đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện T theo biên lai thu tiền số 0009162 ngày 20/01/2017.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều, 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Sơn